

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng

Alastair Macdonald, CFA

Giám đốc Phòng Nghiên cứu & Phân tích

Chỉ số Việt Nam	TT	GT cuối tháng	T04%	YTD%
VNI		1.239,4	4,0	12,3
VN30		1.312,3	9,7	22,6
VN Mid		1.483,6	1,4	17,2
VN Small		1.289,6	-0,8	19,9
HNI		281,7	-1,7	38,7
HN30		419,2	-0,6	29,6

GT vốn hóa cuối tháng (tỷ USD)	T03	T04
HSX	193,0	200,0
HNX	13,9	14,7
UPCoM	46,5	44,7
Tổng cộng	253,4	259,4

Thanh khoản (triệu USD)	T03	T04
GTGD TB/phiên (bao gồm thỏa thuận)		
HSX	687,2	817,8
HNX	109,5	129,1
UPCoM	54,0	47,7
Tổng cộng	850,7	994,6
KN mua ròng		
HSX	-494,0	7,9
HNX	-6,1	9,1
UPCoM	2,1	-0,2
Tổng cộng	-498,0	16,8

Diễn biến các chỉ số ASEAN 4	T4%	YTD%
Vietnam (VNI)	4,0	12,3
Thailand (SET)	-0,3	9,2
Philippines (PCOMP)	-1,1	-10,8
Indonesia (JCI)	0,2	0,3

P/E (trượt 12T)	T03	T04
Vietnam (VNI)	18,5	17,7
Thailand (SET)	39,7	38,6
Philippines (PSEi)	24,8	24,7
Indonesia (JCI)	22,8	27,5

Chỉ số VN-Index đạt mức cao kỷ lục mới

Chỉ số VN-Index tiếp tục đà tăng trong tháng 4/2021. Tháng 4 khởi đầu với các thông tin vĩ mô tích cực, bao gồm (1) lô vaccine đầu tiên gồm hơn 800.000 liều vaccine COVID-19 từ chương trình COVAX đã được giao đến Việt Nam và (2) Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của Việt Nam (do IHS Markit công bố) đạt mức cao nhất trong 27 tháng qua. Chỉ số VN-Index cũng khởi đầu tháng 4 một cách tích cực khi tăng 2,1% để đóng cửa trên mốc 1.200 điểm trong phiên giao dịch đầu tiên của tháng và duy trì chuỗi tăng 8 phiên liên tiếp đến ngày 07/04. Công suất xử lý giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) cải thiện từ ngày 12/4 và kỳ vọng của NGT về kết quả kinh doanh tích cực từ các doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ chỉ số VN-Index trong tháng. Chỉ số VN-Index đạt mức đóng cửa cao kỷ lục ở mức 1.268,3 điểm vào ngày 20/04 trước khi quay đầu giảm điểm do áp lực chốt lời gia tăng trước kỳ nghỉ lễ kéo dài vào cuối tháng 4. Tuy nhiên, chỉ số VN-Index vẫn khép lại tháng 4 với mức tăng 4% - dẫn dắt bởi các cổ phiếu vốn hóa lớn trong các nhóm ngành Bất động sản, Vật liệu, Ngân hàng và Tiêu dùng không thiết yếu.

Trong tháng 4, chỉ số VN-Index tăng 4,0% lên 1.239,4 điểm (+12,3% kể từ đầu năm 2021 – YTD). Trong khi đó, các thị trường khác trong khu vực đi ngang với chỉ số SET của Thái Lan và PCOMP của Philippines lần lượt giảm nhẹ 0,3% (+9,2% YTD) và 1,1% (-10,8% YTD), trong khi chỉ số JCI của Indonesia tăng nhẹ 0,2% (+0,3% YTD).

Các nhóm ngành Bất động sản, Vật liệu, Ngân hàng và Tiêu dùng không thiết yếu dẫn dắt đà tăng trong tháng. Ngành Bất động sản ghi nhận mức tăng lớn nhất khi tăng 9,5% trong tháng - chủ yếu nhờ VIC (+11,1%) và NVL (+63,2%). Các Ngành xếp tiếp theo là Vật liệu xây dựng (+6,7%) - dẫn dắt bởi HPG (+24,1%) - Ngành Ngân hàng (+6,1%) - dẫn dắt bởi VPB (+31,0%) - và ngành Tiêu dùng không thiết yếu (+6,1%) nhờ đà tăng của MWG (+8,6 %) và PNJ (+16,0%).

Giá trị giao dịch tăng lên mức cao kỷ lục khi HSX cải tiến vấn đề kỹ thuật để nâng công suất xử lý giao dịch. Giá trị giao dịch trung bình ngày (ADTV) trên tổng cả 3 sàn đã tăng gần 17% so với tháng trước đạt 994,6 triệu USD trong tháng 4. ADTV trên sàn HSX tính riêng đã tăng 19% đạt 817,8 triệu USD.

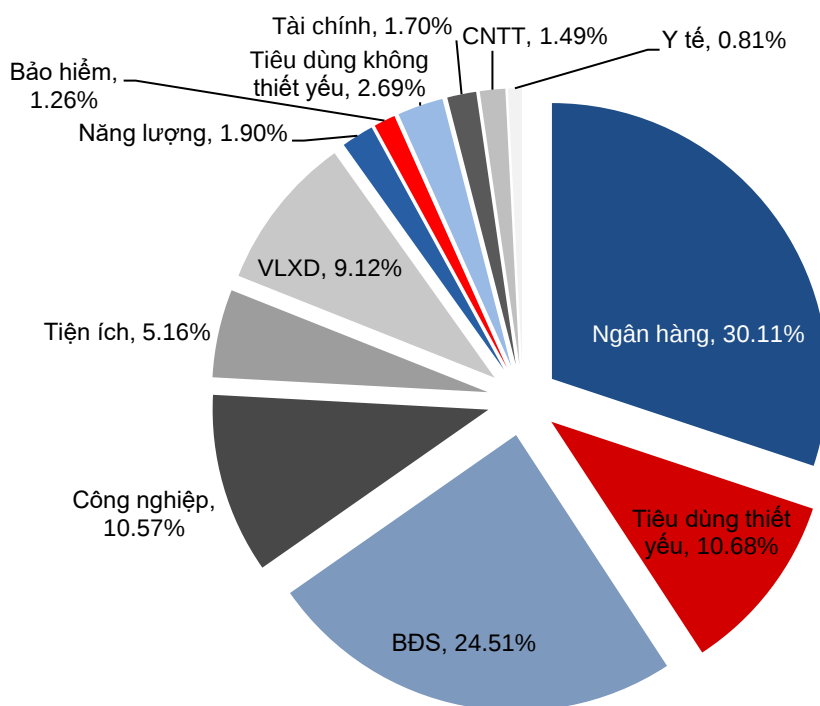
NDT nước ngoài đã có tháng mua ròng đầu tiên sau 6 tháng bán ròng liên tiếp. Sau 6 tháng bán ròng liên tục, NDT nước ngoài đã quay trở lại mua ròng 16,8 triệu USD trên tổng 3 sàn trong tháng 4/2021. 3 cổ phiếu ghi nhận lượng mua ròng của khối ngoại cao nhất trong tháng 4/2021 bao gồm VIC (48,7 triệu USD), VHM (45,2 triệu USD) và NVL (39,4 triệu USD). Ở chiều ngược lại, VPB (-70,7 triệu USD), CTG (-69,1 triệu USD) và VNM (-59,1 triệu USD) là các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trong 4 tháng đầu năm 2021, khối ngoại đã bán ròng 610,1 triệu USD (NĐTNN bán ròng 730,6 triệu USD trong cùng kỳ năm 2020).

Mùa báo cáo KQKD quý 1/2021 đã kết thúc với kết quả khả quan. Trong quý 1/2021, tổng LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo của danh mục các cổ phiếu chúng tôi theo dõi tăng khoảng 80% so với cùng kỳ (từ mức cơ sở thấp của quý 1/2020), hoàn thành 25% dự báo của chúng tôi cho tổng LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo cho cả năm 2021.

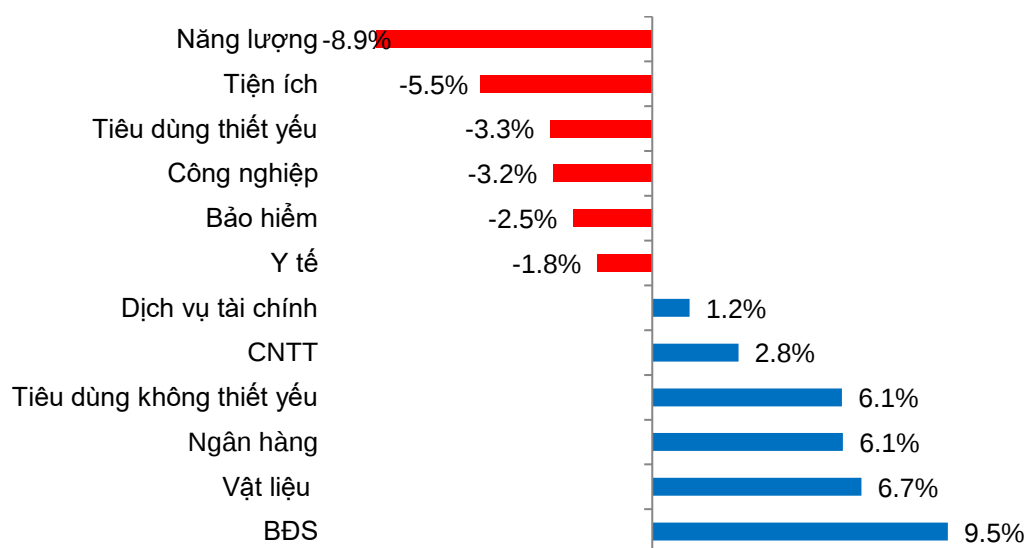
Triển vọng: Số ca nhiễm COVID-19 tăng mạnh trong thời gian gần đây tại Ấn Độ và một số quốc gia khác trong khu vực cũng như các ca nhiễm COVID-19 mới tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đà phục hồi của nền kinh tế toàn cầu cũng như trong nước. Tuy nhiên, Chính phủ đã phản ứng nhanh để kiểm soát tình hình. Chúng tôi tin rằng Việt Nam sẽ một lần nữa kiểm soát tốt dịch COVID-19 như đã thực hiện kể từ khi dịch COVID-19 bắt đầu. Tính đến cuối tháng 4/2021, tỷ lệ P/E trượt của chỉ số VN-Index là 17,7 lần, duy trì ở vùng định giá hấp dẫn so với các thị trường lân cận như P/E của chỉ số SET của Thái Lan là 38,6 lần, JCI của Indonesia là 27,5 lần và PSEi của Philippines là 24,7 lần.

Thị trường Việt Nam

Hình 1: Cơ cấu giá trị vốn hóa thị trường Việt Nam theo ngành trong tháng 4



Hình 2: Biến động giá cổ phiếu theo nhóm trong tháng 4



Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), VCSC

(*) Ghi chú: GAS được xếp vào nhóm Tiện ích thay vì Dầu khí theo GICS vì là công ty phân phối khí.

Các công ty được phân ngành dựa theo tiêu chuẩn GICS với các điều chỉnh sau: Ngành Tài chính (mã GICS 40) được chia thành 3 phân ngành: Ngân hàng, Bảo hiểm và Tài chính khác; Các công ty Ô tô và Phụ tùng (mã GICS 2510) thuộc về ngành Công nghiệp (mã GICS 20) thay vì thuộc Ngành Tiêu dùng (mã GICS 25)

Hình 3: Các mã tăng mạnh nhất trong tháng 4

	Ngành	GT Vốn hóa (triệu USD)	Tỷ trọng	Giá hiện tại	So với tháng trước
HOSE*					
NVL	BDS	6.087	3,04	131.400	63%
SHI	Công nghiệp	86	0,04	21.900	50%
EIB	Ngân hàng	1.455	0,73	27.450	37%
ROS	Công nghiệp	158	0,08	6.440	34%
VPB	Công nghiệp	57	0,03	33.700	32%
HNX**					
TIG	BDS	54	0,37	13.900	36%
KLF	Tiêu dùng không thiết yếu	39	0,27	5.500	34%
OCH	Tiêu dùng không thiết yếu	89	0,61	10.300	27%
VC3	Công nghiệp	56	0,39	21.400	26%
L18	Công nghiệp	26	0,18	16.000	24%

Hình 4: Các mã giảm mạnh nhất trong tháng 4

	Ngành	GT Vốn hóa (triệu USD)	Tỷ trọng	Giá hiện tại	So với tháng trước
HOSE*					
SGR	BDS	75	0,04	29.000	-22%
TDC	BDS	72	0,04	16.750	-19%
GTN	Tiêu dùng thiết yếu	197	0,10	18.300	-18%
FCN	Công nghiệp	66	0,03	12.250	-17%
CII	Công nghiệp	209	0,10	20.300	-15%
HNX**					
DL1	Công nghiệp	55	0,38	12.600	-22%
SHN	Tài chính khác	49	0,34	8.800	-20%
DNP	Materials	96	0,66	20.500	-20%
SGC	Tiêu dùng thiết yếu	28	0,19	90.000	-19%
ART	Tài chính khác	35	0,24	8.300	-16%

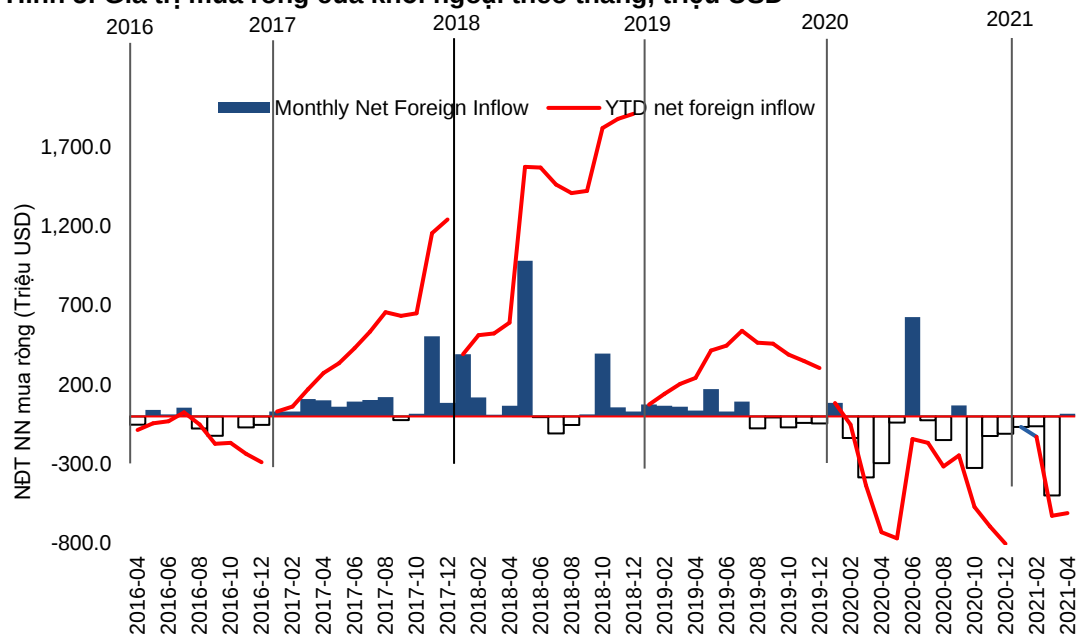
(*): giá trị vốn hóa tối thiểu 50 triệu USD

(**): giá trị vốn hóa tối thiểu 25 triệu USD

Nguồn: HSX, HNX, VCSC

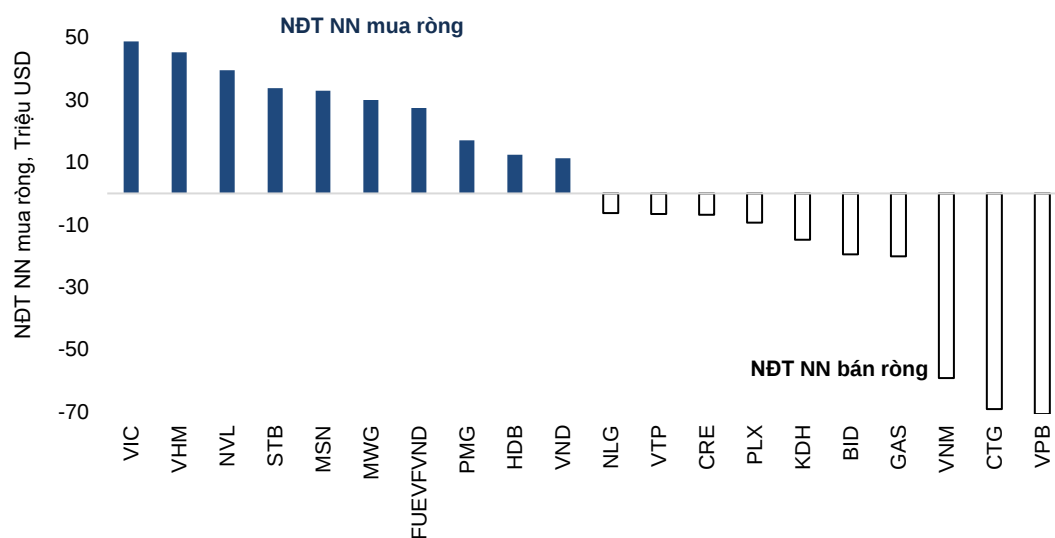
Hoạt động của khối ngoại

Hình 5: Giá trị mua ròng của khối ngoại theo tháng, triệu USD



Nguồn: HSX, HNX, VCSC

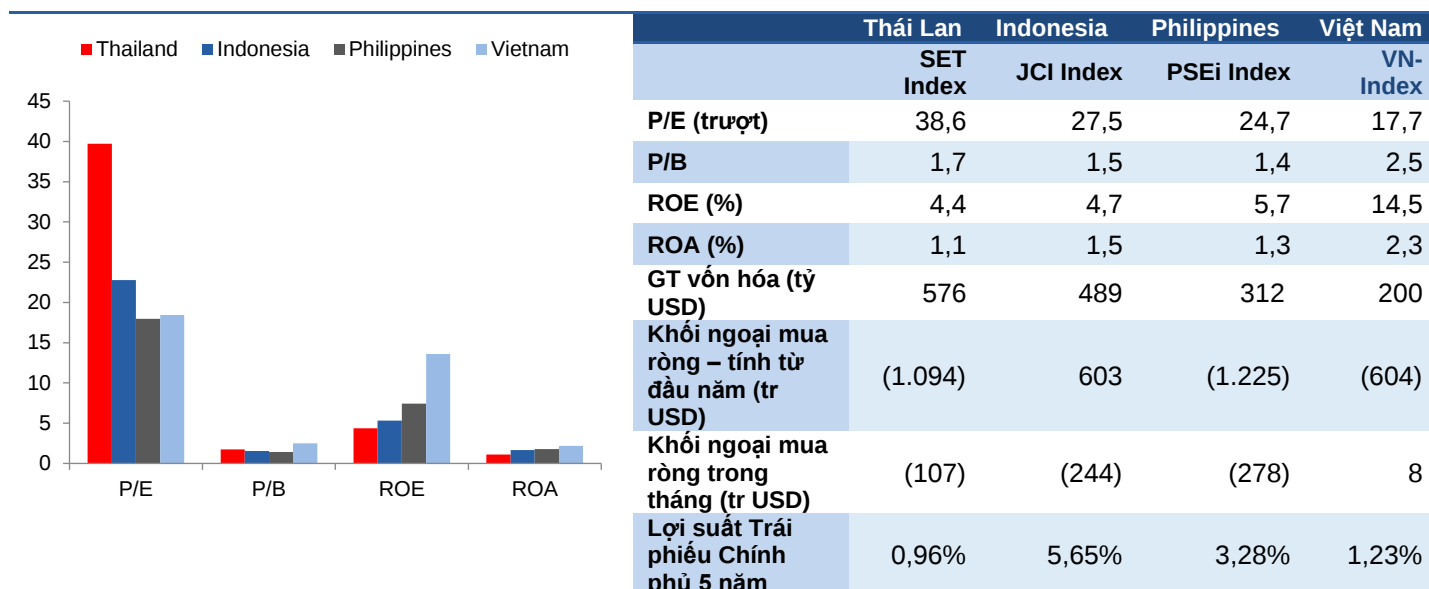
Hình 6: Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng mạnh nhất



Nguồn: HSX, HNX, VCSC

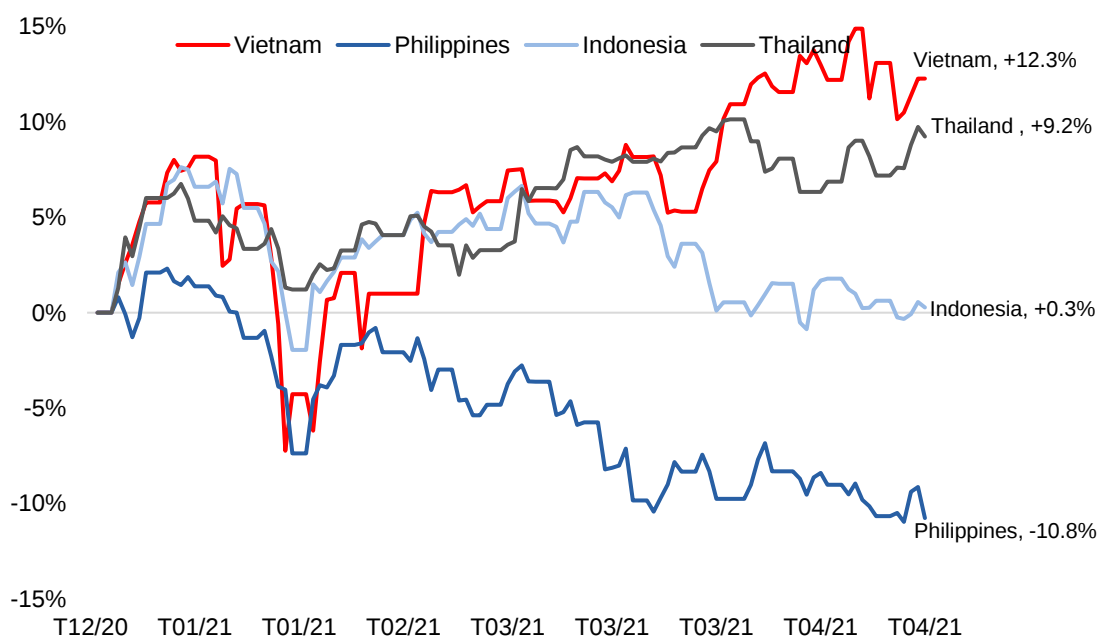
Việt Nam và một số thị trường lân cận

Hình 6: Các chỉ số chính trong nhóm ASEAN - Các dữ liệu và định giá chính



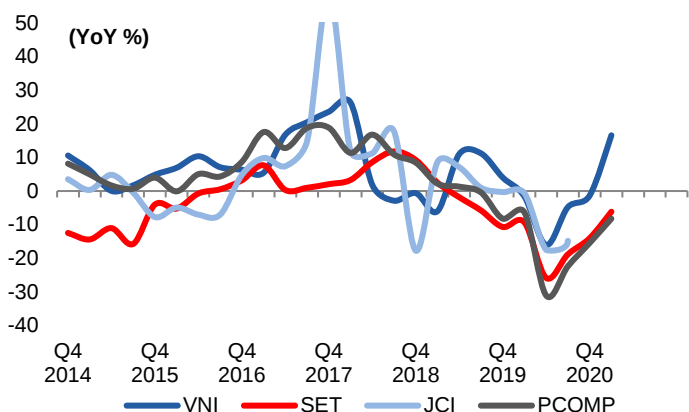
Nguồn: Bloomberg, HSX, VCSC

Hình 7: Các chỉ số chính trong nhóm ASEAN - Diễn biến tính từ đầu năm tính theo đồng tiền từng quốc gia



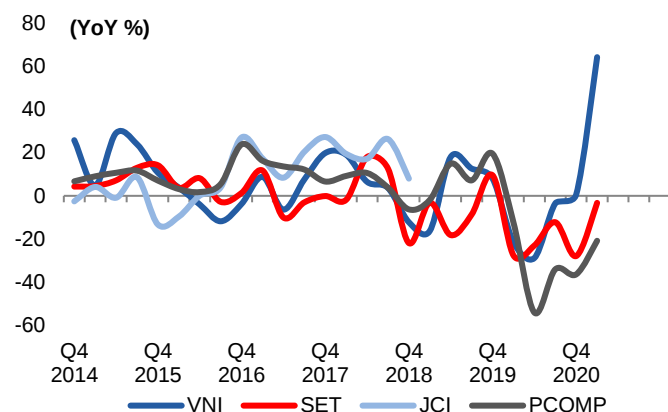
Nguồn: Bloomberg (số liệu tính đến 29/04/2021), VCSC

Hình 8: Tăng trưởng doanh thu



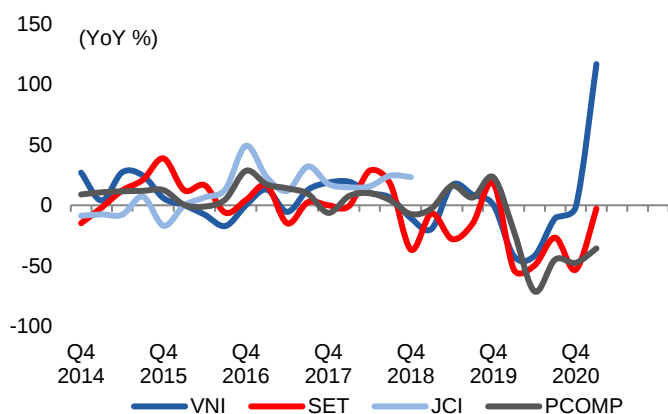
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 9: Tăng trưởng EBITDA



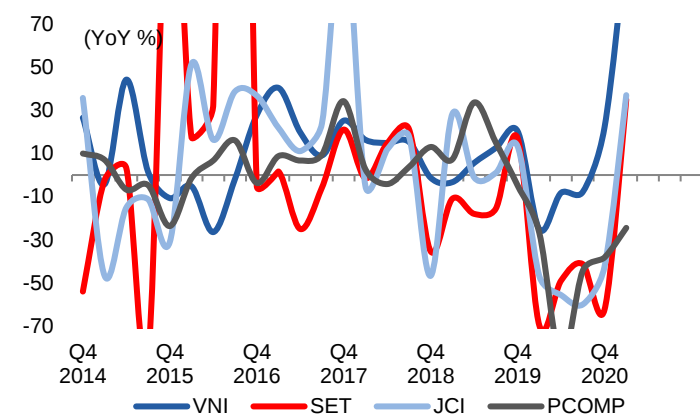
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 10: Tăng trưởng LN từ HĐKD



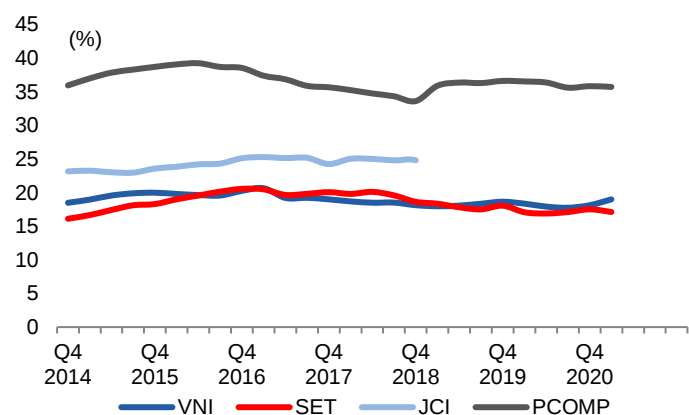
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 11: Tăng trưởng LN từ HĐKD



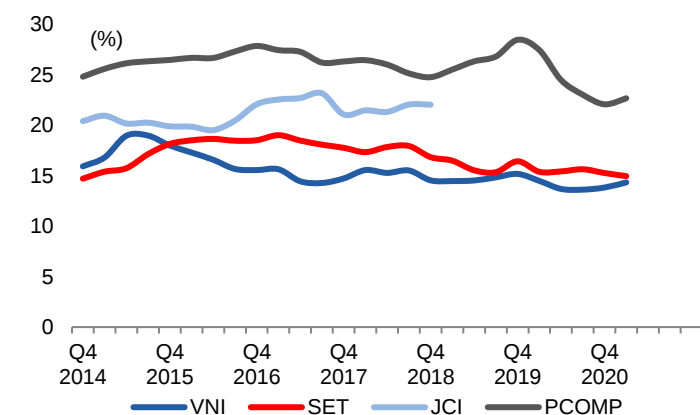
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 12: Biên lợi nhuận gộp



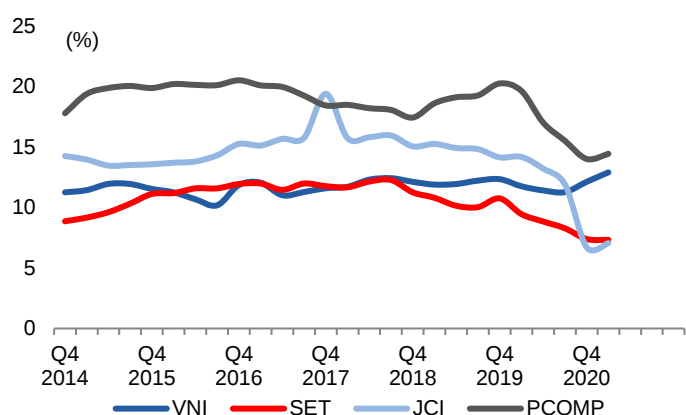
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 13: Biên EBITDA



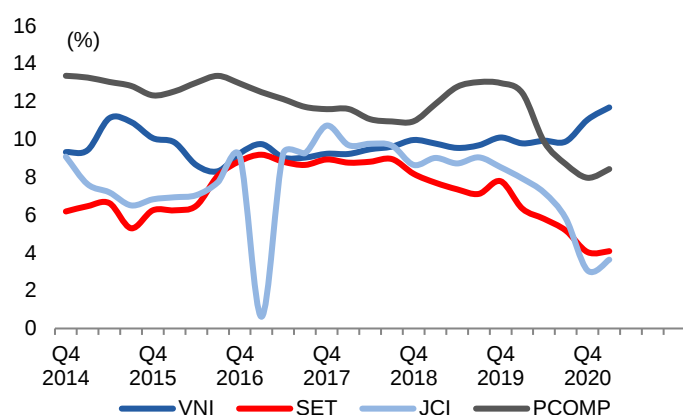
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 14: Biên lợi nhuận từ HĐKD



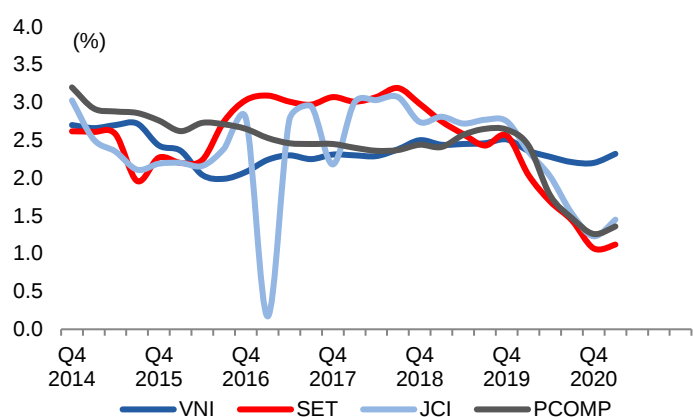
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 15: Biên lợi nhuận ròng



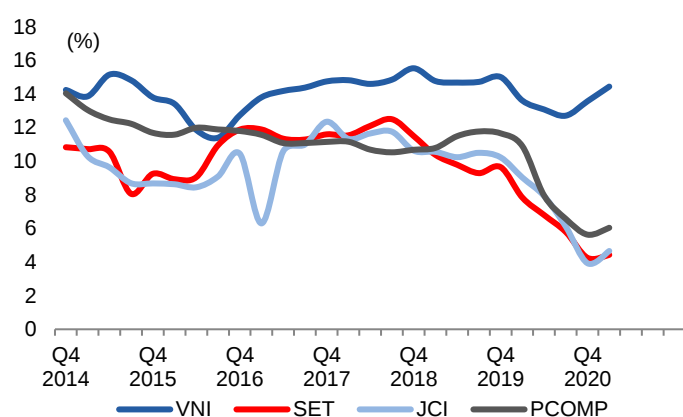
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 16: ROA



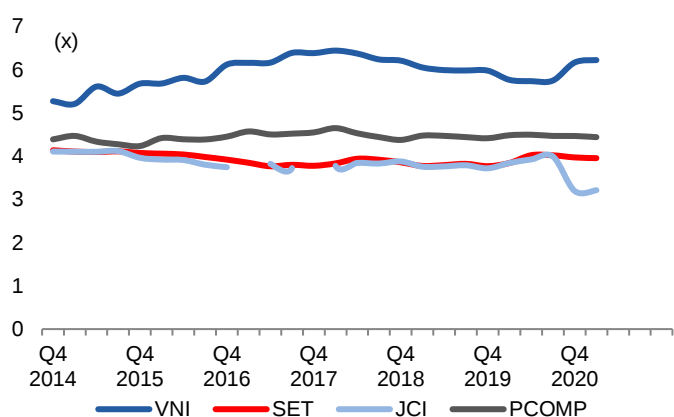
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 17: ROE



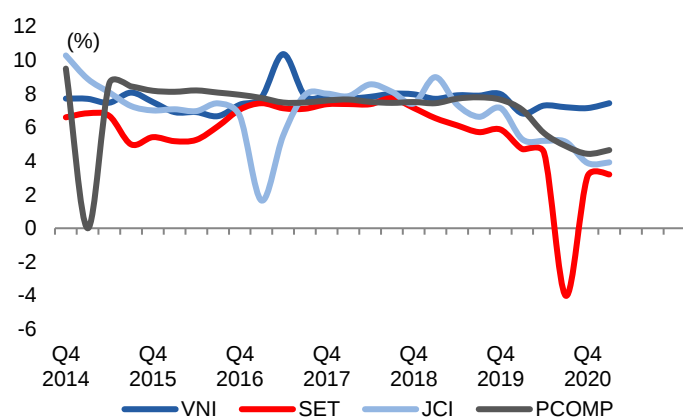
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 18: Trung bình tài sản / vốn chủ sở hữu



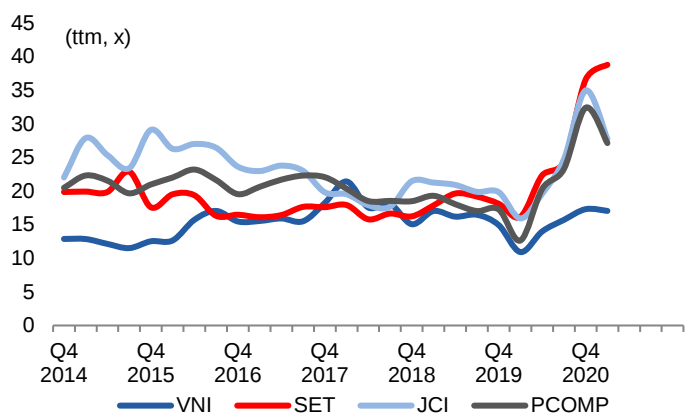
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 19: Tỷ lệ hoàn vốn



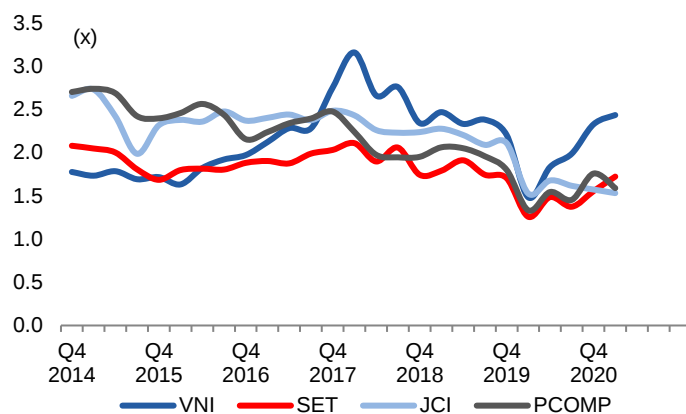
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 20: P/E



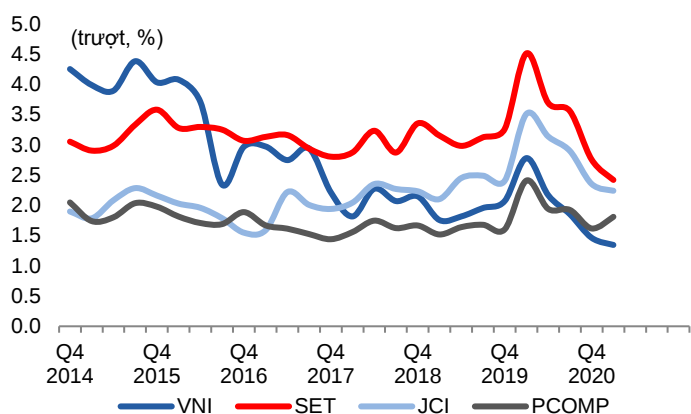
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 21: P/B



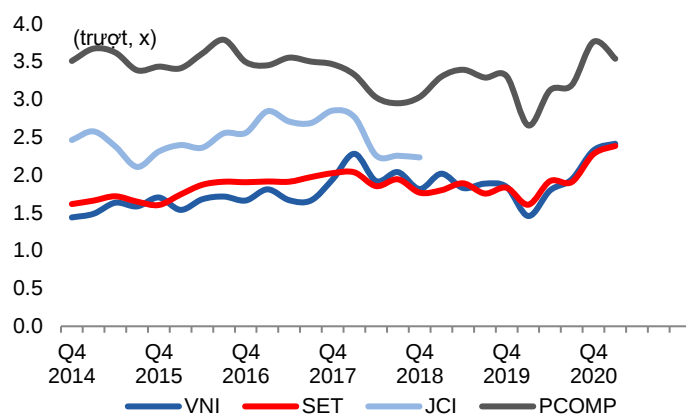
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 22: Lợi suất cổ tức



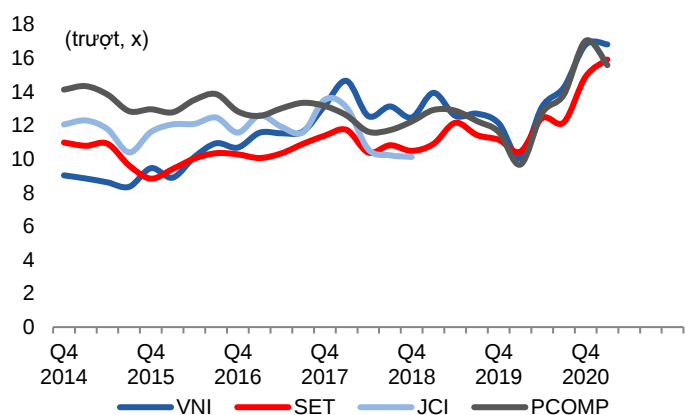
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 23: GTDN / Doanh thu



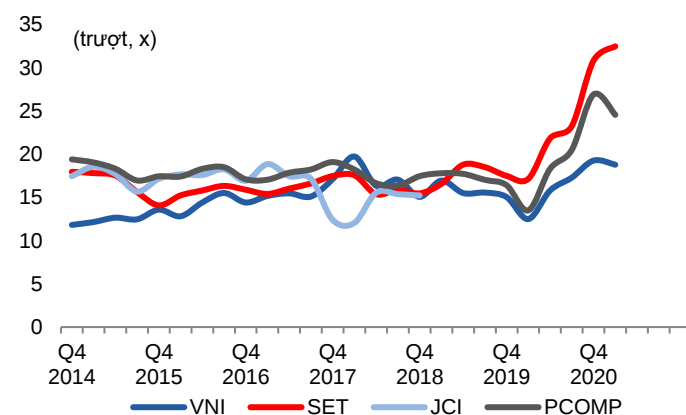
Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 24: EV/EBITDA



Nguồn: Bloomberg, VCSC

Hình 25: GTDN/LN từ HĐKD



Nguồn: Bloomberg, VCSC

Danh mục các cổ phiếu VCSC theo dõi

Ticker	Company	Sector	Mkt Cap USDm	30D ADTV USDm	Foreign Room USDm	EPS growth		PE		Dividend per share VND	Div Yield (%) at current price	Upside to TP (%)	Target Price VND	Rating
Updated	29-Apr-2021		Current	Current	Current	FY21	FY22	FY21	FY22	Current	FY21			
ACB	Asia Commercial Bank JSC	Banks	3,228	11.89	0.2	26%	22%	9.8	8.0	1,170	3.4%	-1.0%	34,100	O-PF
BID	Bank for Investment and Development	Banks	7,201	6.17	947.3	-26%	78%	30.5	17.2	800	1.9%	0.0%	41,300	M-PF
CTG	Vietnam Joint Stock Commercial Bank	Banks	6,940	27.45	269.4	45%	41%	11.7	8.3	-	0.0%	0.0%	43,000	O-PF
MBB	Military Commercial JSCB	Banks	3,791	22.41	13.3	-4%	28%	10.5	8.2	-	0.0%	-5.9%	29,400	M-PF
STB	Saigon Thuong Tin JSCB	Banks	1,884	39.13	245.8	9%	17%	19.7	16.8	-	0.0%	-12.9%	21,000	O-PF
VCB	Bank for Foreign Trade of Vietnam	Banks	15,933	8.48	1,056.0	-1%	28%	22.3	17.4	1,014	1.0%	-1.1%	98,000	M-PF
VPB	Vietnam Prosperity JSCB	Banks	6,331	20.25	18.1	27%	13%	13.9	12.3	-	0.0%	-13.4%	51,500	BUY
TCB	Vietnam Technological JSCB	Banks	6,594	20.75	-	22%	19%	12.3	10.4	-	0.0%	2.5%	44,500	BUY
TPB	Tien Phong JSCB	Banks	1,252	5.95	-	13%	17%	8.0	6.8	-	0.0%	10.4%	30,900	O-PF
HDB	Ho Chi Minh City Development JSCB	Banks	1,879	5.27	82.3	20%	21%	10.2	8.4	-	0.0%	5.9%	28,800	M-PF
VIB	Vietnam International JSCB	Banks	2,664	1.95	0.4	40%	24%	13.5	10.9	1,018	1.8%	-35.6%	35,700	U-PF
LPB	Lien Viet Post Bank	Banks	1,002	10.87	3.7	9%	4%	12.4	11.9	-	0.0%	-13.0%	18,700	BUY
BVH	Bao Viet Holdings	Insurance	1,789	2.78	391	24%	14%	27.5	24.2	1,000	1.8%	33.8%	74,400	BUY
BMI	Baominh Insurance Corp	Insurance	109	0.54	16.8	7%	13%	15.4	13.6	1,000	3.6%	5.8%	29,200	O-PF
SSI	SSI Securities Corp	Brokerage	921	18.44	487.8	36%	14%	15.7	13.8	1,000	3.0%	-16.4%	27,500	U-PF
VEA	Vietnam Engine & Agricultural	Industrials	2,350	0.38	1,009.4	-23%	22%	9.8	8.0	5,500	13.5%	18.9%	48,500	BUY
FPT	FPT Corp	Consumer	2,836	7.7	-	12%	23%	20.1	16.4	2,000	2.4%	-1.9%	81,300	O-PF
DGW	Digiworld Corp	Consumer	2,222	1.56	46.1	-	-	20.1	13.3	1,000	0.8%	17.6%	140,000	O-PF
MIWG	Mobile World Investment Corp	Consumer	2,873	5.16	-	0%	36%	16.1	11.8	1,500	1.1%	53.6%	214,100	BUY
FRT	FPT Digital Retail JSC	Consumer	92	2.4	33.4	-90%	471%	101.1	17.7	1,000	3.7%	-25.7%	20,000	SELL
VNM	Vietnam Dairy Products JSC	Consumer	8,299	16.59	3,698.8	5%	2%	19.2	18.8	4,000	4.4%	18.8%	108,800	M-PF
MSN	Masan Group Corp	Consumer	4,883	10.41	797.9	-103%	-2248%	91.0	48.5	1,000	1.0%	26.8%	121,600	BUY
SAB	Saigon Beer Alcohol Beverage	Consumer	4,481	1.09	1,677.7	-5%	12%	22.6	20.2	5,000	3.1%	39.0%	224,000	BUY
PNJ	Phu Nhuan Jewelry JSC	Consumer	938	2.36	0.2	-11%	30%	21.6	16.6	2,000	2.1%	26.1%	120,000	BUY
QNS	Quang Ngai Sugar JSC	Consumer	607	0.42	193.2	-20%	27%	11.4	9.0	3,000	7.7%	-2.8%	38,100	M-PF
STK	Century Synthetic Fiber Corp	Industrials	95	0.13	36.6	-34%	78%	15.4	8.7	1,100	3.4%	-1.7%	31,500	BUY
VHC	Vinh Hoa Corp	Consumer	285	1.41	221.7	-38%	34%	9.8	7.8	1,000	2.8%	31.0%	47,300	BUY
VTP	Viettel Post Joint Stock Corp	Transportation	290	1.15	89.9	0%	5%	20.3	19.2	1,500	1.9%	27.8%	102,900	M-PF
CTR	Viettel Construction	Consumer	253	2.02	122.0	43%	20%	25.2	21.0	1,700	2.1%	29.8%	105,400	O-PF
DHG	DHG Pharmaceutical JSC	Consumer	582	0.05	263.5	17%	11%	18.9	16.9	4,000	3.9%	-0.6%	102,100	M-PF
IMP	Imexpharm Pharmaceutical	Consumer	210	0.3	-	28%	25%	25.5	20.3	1,500	2.1%	-0.4%	72,200	BUY
DHC	Dong Hai JSC of Bentre	Industrials	221	0.84	41.9	107%	49%	13.3	9.0	2,000	2.2%	30.4%	118,900	BUY
PTB	Phu Tai Corp	Diversified	160	0.63	49.6	-15%	43%	11.0	7.7	2,500	3.1%	-9.5%	72,400	O-PF
DGC	Duc Giang Chemicals	Industrials	481	2.17	217.3	55%	40%	13.0	9.3	2,600	3.5%	-2.1%	73,000	O-PF
CII	Ho Chi Minh City Infrastructure	Transportation	207	3.14	81.3	71%	42%	17.2	12.1	1,200	6.0%	29.0%	25,800	BUY
KBC	Kinh Bac City Development Shar	Industrials	765	8.82	206.8	-78%	569%	85.5	12.8	-	0.0%	15.8%	43,500	O-PF
GVR	Vietnam Rubber Group	Industrials	4,378	3.66	542.7	32%	1%	23.6	23.4	400	1.6%	14.1%	28,800	M-PF
PHR	Phuoc Hoa Rubber	Industrials	300	1.51	105.6	149%	2%	8.0	7.9	4,000	7.8%	45.1%	74,000	BUY
TLG	Thien Long Group Corp	Industrials	123	0.09	92.0	-31%	32%	13.2	10.0	2,000	5.5%	31.5%	48,000	BUY
DRC	Danang Rubber JSC	Industrials	134	1.84	52.8	2%	52%	12.0	8.2	1,500	5.8%	10.4%	28,700	M-PF
PPC	Pha Lai Thermal Power JSC	Power & Water	390	0.65	133.5	-19%	1%	9.3	11.5	2,500	8.9%	9.8%	30,800	BUY
HND	Hai Phong Thermal Power	Power & Water	407	0.15	197.5	-4%	-31%	6.7	12.6	1,600	8.5%	15.4%	21,700	O-PF
NT2	PetroVietnam Nhon Trach 2 Power	Power & Water	258	0.53	87.5	-6%	-33%	9.9	13.6	1,500	7.2%	16.9%	24,200	O-PF
POW	PetroVietnam Power Corp	Power & Water	1,223	8.73	556.0	-17%	-16%	13.1	12.0	-	0.0%	22.8%	14,800	O-PF
PC1	Power Construction JSC No.1	Power & Water	211	0.9	80.2	16%	13%	10.4	12.0	-	0.0%	20.4%	30,700	O-PF
REE	Refrigeration Electrical Engineer	Power & Water	698	1.41	-	15%	7%	9.9	8.9	-	0.0%	30.5%	68,000	BUY
BWE	Binh Duong Water - Environment	Power & Water	237	0.36	77.5	-9%	14%	10.5	11.1	1,300	4.5%	15.8%	33,700	BUY
TDM	Thu Dau Mot Water JSC	Power & Water	118	0.39	51.6	0%	-13%	17.1	11.1	1,200	4.4%	13.2%	30,900	BUY
GEX	Vietnam Electrical Equipment JSC	Diversified	559	7.95	199.4	-32%	34%	16.7	16.2	-	0.0%	-5.3%	25,000	M-PF
GAS	PetroVietnam Gas JSC	Oil & Gas	6,911	3.1	3,198.4	-34%	24%	20.8	16.8	4,000	4.8%	19.3%	99,400	O-PF
PVD	PetroVietnam Drilling & Well S	Oil & Gas	339	6.06	141.3	16%	364%	48.8	23.0	-	0.0%	16.4%	21,600	M-PF
PVS	PetroVietnam Technical Services	Oil & Gas	408	9.65	165.6	-7%	-24%	16.5	15.1	1,000	5.1%	16.8%	23,000	M-PF
PVT	PetroVietnam Transportation Corp	Oil & Gas	227	2.33	82.9	-10%	1%	9.0	9.5	1,000	6.2%	13.6%	18,400	O-PF
PLX	Vietnam National Petroleum Group	Oil & Gas	2,677	3.24	102.7	-77%	237%	69.8	20.7	2,200	4.4%	25.7%	62,400	O-PF
BSR	BINH SON Refining and Petroche	Oil & Gas	1,922	9.88	151.3	-200%	-218%	-15.8	13.3	-	0.0%	18.2%	16,900	M-PF
DPM	Petrovietnam Fertilizer & Chemical	Oil & Gas	317	1.47	108.9	84%	31%	12.8	9.8	1,500	8.0%	6.4%	19,900	M-PF
DCM	PetroVietnam Ca Mau Fertilizer	Oil & Gas	365	2.34	164.5	55%	-17%	13.8	16.6	800	5.0%	22.0%	19,400	O-PF
HPG	Hoa Phat Group JSC	Materials	8,589	50.5	1,565.3	79%	79%	15.6	8.7	500	0.8%	11.0%	66,400	O-PF
HSG	Hoa Sen Group	Materials	648	12.4	258.5	217%	28%	13.3	10.4	-	0.0%	-30.7%	23,300	U-PF
HT1	Ha Tien 1 Cement JSC	Materials	268	0.89	122.2	-17%	7%	11.8	11.1	1,000	6.2%	1.2%	16,400	M-PF
BMP	Binh Minh Plastics JSC	Materials	210	0.35	38.9	24%	-3%	10.3	10.6	4,500	7.6%	12.0%	66,200	O-PF
NKG	Nam Kim Steel JSC	Materials	205	4.83	171.7	561%	83%	16.5	9.0	-	0.0%	-25.8%	20,400	M-PF
CTD	Cotecons Construction JSC	Construction	200	2.05	8.2	-31%	12%	10.5	9.3	1,000	1.6%	9.3%	68,000	M-PF
DXG	Dat Xanh Group JSC	Real Estate	514	7.93	81.5	-91%	933%	-28.9	9.9	-	0.0%	10.0%	25,200	O-PF
KDH	Khang Dien House Trading and Investm	Real Estate	895	4.64	149.1	28%	22%	19.3	15.9	-	0.0%	-6.6%	34,500	M-PF
NLG	Nam Long Investment Corp	Real Estate	476	2.49	19.2	-13%	19%	12.9	10.9	1,200	3.1%	-1.3%	38,000	M-PF
NVL	No Va Land Investment Group Corp	Real Estate	6,126	11.27	1,895.0	9%	3%	34.7	33.6	-	0.0%	-43.0%	75,000	M-PF
VIC	Vingroup JSC	Diversified	19,589	14.65	4,173.1	-35%	29%	84.2	65.1	-	0.0%	-6.4%	125,000	O-PF
VHM	Vinhomes JSC	Real Estate	14,145	19.58	3,709.2	30%	7%	11.7	10.9	-	0.0%	29.0%	128,000	BUY
VRE	Vincom Retail JSC	Real Estate	3,083	9.86	569.7	-14%	22%	29.9	24.5	-	0.0%	23.6%	38,700	O-PF
DIG	Development Investment Construction	Real Estate	406	4.65	213.8	48%	44%	15.8	11.0	-	0.0%	27.8%	34,500	BUY
ACV	Airports Corp of Vietnam JSC	Transportation	6,691	0.73	3,041.7	-67%	24%	99.8	58.5	-	0.0%	22.4%	86,800	O-PF
GMD	Gemadept Corp	Transportation	443	3.71	47.1	-21%	23%	30.2	25.5	1,200	3.5%	-2.7%	33,000	M-PF
AST	Taseco Air Services JSC	Consumer	107	0.11	5.6	-126%	-233%	-50.5	38.1	-	0.0%	13.6%	62,500	M-PF
SCS	Sai Gon Cargo Service Corp	Transportation	277	0.1	73.6	-9%	24%	15.8	12.7	9,000	7.1%	23.1%	155,100	BUY
HVN	Vietnam Airlines JSC	Transportation	1,678	1.8	350.2	-610%	-54%	-5.4	NM	-	0.0%	5.1%	28,700	M-PF
VJC	Vietjet Aviation JSC	Transportation	2,911	3.03	314.3	NM	1345%	925.4	NM	-	0.0%	9.4%	135,700	M-PF

Nguồn: Dự báo của VCSC, số liệu của Bloomberg ngày 31/03/2021

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Hoàng Thúy Lương, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

www.vcsc.com.vn

Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều
Quận 1, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ
Quận 1, TP, HCM
+84 28 3914 3588

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 28 3914 3588

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Ngô Hoàng Long, Phó Giám đốc, ext 123

- Điền Đức Minh Nghĩa, Chuyên viên cao cấp, ext 138
- Ngô Thị Thanh Trúc, Chuyên viên, ext 116
- Hoàng Minh Tú, Chuyên viên, ext 139

Hàng tiêu dùng và Dược phẩm

Đặng Văn Pháp, Phó Giám đốc, ext 143

- Đào Danh Long Hà, Chuyên viên cao cấp, ext 194
- Trần Thái Sơn, Chuyên viên cao cấp, ext 185
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên, ext 191

BDS và Vật liệu Xây dựng

Lưu Bích Hồng, Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Nguyễn Thảo Vy, Trưởng phòng, ext 147
- Phạm Minh Đức, Chuyên viên, ext 174

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức, Trưởng phòng cao cấp, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Chuyên viên cao cấp, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên, ext 363

Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

Nguyễn Quốc Dũng

+84 28 3914 3588, ext 136
dung.nguyen@vcsc.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng trong nước

Hồ Chí Minh & Hà Nội

Châu Thiên Trúc Quỳnh

+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp, HCM
+84 28 3914 3588

Alastair Macdonald, Giám đốc, ext 105

alastair.macdonald@vcsc.com.vn

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương, Trưởng phòng, ext 364

- Trương Thanh Nguyên, Chuyên viên cao cấp, ext 132

Dầu khí và Điện

Đinh Thị Thùy Dương, Trưởng phòng cao cấp, ext 140

- Ngô Thùy Trâm, Trưởng phòng, ext 135
- Lê Trọng Nghĩa, Chuyên viên, ext 181
- Lê Phước Đức, Chuyên viên, ext 196

Công nghiệp và Vận tải

Hoàng Nam, Trưởng phòng, ext 124

- Thái Nhật Đăng, Chuyên viên cao cấp, ext 149

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.